

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **370/2019/KDTM-PT**
Ngày: 02/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Văn Dũng

Bà Phùng Thị Như Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2018/TLPT- KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2018/KDTM-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1359/2019/QĐ-PT ngày 25/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 2408/2019/QĐ-PT ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C (Công ty TNHH V đã sáp nhập vào Công ty TNHH C).

Địa chỉ: 181 đường T, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Quốc D (có mặt), sinh: 1982, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 11/01/2019.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Đ

Địa chỉ: 107 đường M, Khu phố 8, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 (có mặt) là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H
Địa chỉ: 107 đường M, Khu phố 8, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn-Công ty TNHH C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH C (tên cũ Công ty TNHH V đã sáp nhập vào Công ty TNHH C), lời trình của đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Năm 2015, Công ty TNHH V (Công ty V) và Công ty TNHH Một thành viên Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) đã từng nhiều lần mua bán cửa thép thường, cửa thép chống trộm, cửa PVC, cửa inox. Hai bên giao dịch mua bán không lập hợp đồng, chủ yếu giao dịch qua điện thoại.

Trong các đợt giao hàng của tháng 9 và tháng 10 năm 2015, phía Công ty Đ chưa thanh toán tiền mua hàng.

Ngày 14/11/2015, Công ty V và Công ty Đ lập bản đối chiếu chốt lại số công nợ thì Công ty Đ còn nợ số tiền mua 72 cửa thép thường và 04 cửa thép chống trộm, tổng số tiền là 315.256.993 đồng, có chữ ký xác nhận của bà Vũ Thị H đại diện cho Công ty Đ.

Công ty V đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đ thanh toán số nợ nhưng đến nay Công ty Đ vẫn không thanh toán.

Do vậy, Công ty V khởi kiện để yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền nợ còn lại là 315.256.993 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của Công ty V rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Đ thanh toán số nợ còn lại là 218.686.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên Đ có ông Nguyễn Thanh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Đ không chấp nhận bản đối chiếu công nợ do phía nguyên đơn trình bày và cung cấp nêu trên vì bản đối chiếu chưa hoàn tất, chưa có đóng dấu xác nhận nợ của Công ty Đ và việc mua bán đã được thanh toán đầy đủ nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị H trình bày tại bản tự khai ngày 07/3/2017 như sau:

Bà được giám đốc Công ty Đ cử đi đối chiếu công nợ với Công ty V nhưng việc đối chiếu đang tiến hành thì Công ty V bỏ về, các bên chưa lập biên bản đối chiếu thống nhất công nợ.

Đối với mặt hàng thép và cửa chống trộm. Công ty Đ mua của Công ty V gồm 72 bộ cửa thép và 04 bộ cửa chống trộm, Công ty Đ đã thanh toán đủ.

Tại Bản án số 65/2018/KDTM-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Đ thanh toán số tiền hàng còn nợ là 218.686.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Đ thanh toán số tiền hàng còn nợ là 96.570.993 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2018, Công ty V (nay là Công ty TNHH C) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là Công ty TNHH C có ông Nguyễn Quốc D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sau khi khởi kiện, ngày 18/10/2016, Công ty TNHH V đã sáp nhập vào Công ty TNHH C nên Công ty TNHH C tiếp tục kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty V.

Công ty TNHH C xác định chứng cứ để yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Đ thanh toán số tiền mua hàng của đợt hàng trong tháng 9 và tháng 10/2015 chưa thanh toán là bản đối chiếu công nợ giữa hai bên ngày 14/11/2015.

Theo nội dung bản đối chiếu công nợ nêu trên thì ngoài nội dung ghi nhận số lượng 72 cửa thép, 04 cửa chống trộm, với giá thành tổng cộng là 315.256.993 đồng, còn ghi nhận nhiều nội dung khác như căn trừ số tiền đầu kỳ còn lại do Công ty Đ tạm ứng còn lại của đợt hàng giao dịch trước đó và nhiều nội dung căn trừ khác nên số nợ còn lại là 218.686.000 đồng. Đồng thời, bản đối chiếu công nợ có ghi câu “bên tôi sẽ thống kê hết hàng không đúng mẫu rồi tính trừ lại còn bao nhiêu, thứ 6 lắp cửa đồng xong sẽ trả hết”, điều này đã thể hiện việc thanh toán đã được hai bên thỏa thuận đến thứ sáu thanh toán.

Mặt khác, tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện Công ty Đ thừa nhận đã nhận đủ số lượng cửa thép thường và cửa thép chống trộm như số liệu được ghi tại bản đối chiếu công nợ.

Hơn nữa, sau khi nhận hàng cho đến trước khi nguyên đơn khởi kiện, Công ty Đ không có khiếu nại gì về chất lượng hàng hóa.

Phía Công ty TNHH C không thừa nhận lời khai của phía Công ty Đ tại cấp sơ thẩm nêu rằng phía Công ty Đ đã giao trả 50 bộ cửa giá 2.200.000

đồng/bộ và theo các biên lai (không dấu mộc) thể hiện những người bên phía Công ty TNHH C đã nhận hàng và nhận tiền, cụ thể: Vào ngày 21/11/2015 ông M giao trả 03 bộ cửa tương đương 4.500.000 đồng, 03 bộ bị lỗi ông Mạnh nhận lại, ngày 21/9/2015 ông M và ông H1 tạm ứng 15.000.000 đồng, ngày 30/10/2015 ông M ứng 18.000.000 đồng, ngày 01/11/2015 bà Lê và ông Hùng tạm ứng 22.000.000 đồng, ngày 07/11/2015 ông M tạm ứng 10.000.000 đồng và cộng với số tiền tạm ứng trước đó là 62.807.607 đồng. Vì số tiền thanh toán nêu trên là thanh toán cho đợt hàng trước đó. Hơn nữa, những người mà Công ty Đ liệt kê nhận tiền nêu trên cũng không còn làm việc tại Công ty TNHH C.

Do vậy, Công ty TNHH C căn cứ vào bản đối chiếu công nợ nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn là Công ty TNHH C có ông Nguyễn Thanh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phía Công ty Đ thừa nhận đã nhận đủ 72 cửa thép thường và 04 cửa chống trộm. Tuy nhiên, giá thành thép thường không phải là giá đã ghi trong bản đối chiếu công nợ ngày 14/11/2015 (trong bản đối chiếu công nợ chỉ ghi cửa thép, không ghi cụ thể loại thép).

Nội dung bản đối chiếu công nợ ngày 14/11/2015, ngoài việc ghi nhận số lượng cửa đã giao còn ghi nhận nhiều nội dung cản trở khác và không có nội dung ghi nhận về số tiền Công ty Đ còn nợ bao nhiêu. Chính vì, hai bên chưa đối chiếu xong số nợ nên chưa có đại diện hợp pháp của hai bên xác nhận.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía Công ty Đ trình bày đã giao trả 50 bộ cửa giá 2.200.000đồng/bộ và theo các biên lai (không dấu mộc) thể hiện những người bên phía Công ty TNHH C đã nhận hàng và nhận tiền, cụ thể: Vào ngày 21/11/2015 ông M giao trả 03 bộ cửa tương đương 4.500.000 đồng, 03 bộ bị lỗi ông Mạnh nhận lại, ngày 21/9/2015 ông M và ông H1 tạm ứng 15.000.000 đồng, ngày 30/10/2015 ông M ứng 18.000.000đồng, ngày 01/11/2015 bà Lê và ông Hùng tạm ứng 22.000.000 đồng, ngày 07/11/2015 ông M tạm ứng 10.000.000 đồng và cộng với số tiền tạm ứng trước đó là 62.807.607 đồng. Tổng cộng số hàng đã trả và số tiền tạm ứng thì Công ty Đ đã thanh toán hơn số tiền hàng phải thanh toán tương ứng với số cửa thép đã nhận nêu trên. Nếu Công ty TNHH C cho rằng số tiền mà Công ty Đ thanh toán nêu trên là thanh toán cho những đợt hàng trước đó thì Công ty TNHH C phải cung cấp cho Công ty Đ tài liệu chứng minh để đối chiếu thanh toán cho đợt hàng nào.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình từ thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ và trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung: Xét thấy, năm 2015 giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán chủ yếu giao dịch qua điện thoại, không có biên bản giao nhận hàng. Theo bản đối chiếu công nợ không xác định Công ty Đ nợ bao nhiêu, đã trả bao nhiêu, còn nợ bao nhiêu. Nội dung bản đối chiếu có câu “bên tôi sẽ thống kê hết hàng không đúng mẫu rồi tính trừ lại còn bao nhiêu, thứ 6 lắp cửa đồng xong sẽ trả hết” đã thể hiện hai bên chưa đối chiếu xong công nợ. Nên việc nguyên đơn căn cứ vào bản đối chiếu công nợ để yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ tiền mua hàng là không có cơ sở.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Công ty TNHH C căn cứ vào bản đối chiếu công nợ ngày 14/11/2015 và lời thừa nhận của đại diện của Công ty Đ đã nhận đủ số lượng hàng theo bản đối chiếu công nợ chưa thanh toán.

Ngược lại, phía Công ty Đ mặc dù thừa nhận có nhận đủ số lượng cửa thép thường và cửa chống trộm như bản đối chiếu công nợ nhưng không thừa nhận bản đối chiếu công nợ này mà cho rằng giữa hai bên chưa đối chiếu xong công nợ nên chưa có xác nhận của đại diện hợp pháp của hai bên. Ngoài ra, Công ty Đ nêu rằng giá thành cửa thép đã nhận cũng không đúng như giá thành ghi trong bản đối chiếu công nợ và đối với số lượng thép đã nhận thì Công ty Đ đã giao trả lại cho Công ty TNHH C một phần, còn lại đã cản trở vào số tiền tạm ứng trước đó và thanh toán thêm một phần, tổng cộng thanh toán nhiều hơn số tiền phải thanh toán tương ứng với số hàng đã nhận.

Xét thấy, bản đối chiếu công nợ ngày 14/11/2015 không có chữ ký và dấu mộc của người có thẩm quyền của hai bên ký, không chứng minh được việc giao nhận số lượng hàng, chủng loại hàng, số tiền mua hàng mà Công ty Đ phải thanh toán, đã thanh toán và còn phải thanh toán. Mặc khác, trong bản đối chiếu công

nợ có ghi “bên tôi sẽ thông kê hết hàng không đúng mẫu rồi tính trừ lại còn bao nhiêu, thứ 6 lắp cửa đồng xong sẽ trả hết” là phù hợp với lời khai của phía Công ty Đ nêu rằng việc đối chiếu công nợ giữa hai bên chưa thực hiện xong.

Đối với ý kiến của Công ty TNHH C nêu rằng Công ty Đ đã nhận đủ số lượng cửa thép, cửa chống trộm như số lượng cửa thép đã ghi trong bản đối chiếu công nợ không được phía Công ty Đ thừa nhận, Công ty Đ nêu rằng giá thành cửa thép đã nhận không đúng như giá thành đã ghi trong bản đối chiếu công nợ. Ngược lại, ý kiến của Công ty Đ khai rằng đã giao trả một phần hàng đã nhận và cần trừ số tiền tạm ứng và tiền đã thanh toán cũng không được phía Công ty TNHH C thừa nhận mà cho rằng những chứng từ này là thanh toán cho những đợt hàng mua trước đó.

Xét thấy, ý kiến và tài liệu chứng cứ là bản đối chiếu công nợ ngày 14/11/2015 do Công ty TNHH C cung cấp chưa đủ cơ sở để xác định Công ty Đ còn nợ Công ty TNHH C số tiền mua hàng trong tháng 9 và tháng 10 năm 2015 là 218.686.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, Công ty TNHH C không bổ sung tài liệu chứng cứ mới nào khác.

Với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C, giữ nguyên bản án sơ thẩm như yêu cầu của bị đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH C phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH C yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Đ thanh toán số tiền hàng còn nợ là 218.686.000 đồng, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Đ thanh toán số tiền hàng còn nợ là 96.570.993 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Công ty TNHH C phải chịu án phí sơ thẩm là 10.934.300 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.881.424 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0000261 ngày 02/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH C còn phải nộp 3.052.876 đồng.

+ Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại: Công ty TNHH C phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0030550 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong